



**ព្រះរាជក្រម**  
**យើង**

នស/រកម/០៧១៤/០១៥

<b>វង្សសក្ខី</b>	
<b>ច្បាប់</b>	លេខ <u>២១១</u> ថ្ងៃទី <u>២៧</u> ខែ <u>៧</u> ឆ្នាំ <u>២០១៤</u> រោង <u>៧</u>
	បញ្ជូនទៅ <u>រ. ម.</u>

**ព្រះករុណាព្រះបាទសម្តេចព្រះបរមនាថ នរោត្តម សីហមុនី**  
**សមានភូមិជាតិសាសនា រក្ខតខត្តិយា ខេមរារដ្ឋរាស្ត្រ ពុទ្ធិន្ទ្រាធរាមហាក្សត្រ**  
**ខេមរាជនា សម្មហោភាស តម្កល់ឯករាជ្យបូរណសន្តិ សុភមង្គលា សិរីវិបុលា**  
**ខេមរាស្រីពិរាស្ត្រ ព្រះចៅក្រុងកម្ពុជាធិបតី**

- បានទ្រង់យល់ រដ្ឋធម្មនុញ្ញនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានទ្រង់យល់ ព្រះរាជក្រឹត្យលេខ នស/រកត/០៩១៣/៩០៣ ចុះថ្ងៃទី២៤ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០១៣ ស្តីពីការតែងតាំងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានទ្រង់យល់ ព្រះរាជក្រមលេខ ០២/នស/៩៤ ចុះថ្ងៃទី២០ ខែកក្កដា ឆ្នាំ១៩៩៤ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការរៀបចំនិងការប្រព្រឹត្តទៅនៃគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- បានទ្រង់យល់ព្រះរាជក្រមលេខ នស/រកម/០១៩៦/០៤ ចុះថ្ងៃទី២៤ ខែមករា ឆ្នាំ១៩៩៦ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការបង្កើតក្រសួងយុត្តិធម៌
- បានទ្រង់យល់ សេចក្តីក្រាបបង្គំទូលថ្វាយ របស់សម្តេចអគ្គមហាសេនាបតីតេជោ ហ៊ុន សែន នាយករដ្ឋមន្ត្រី នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

**ប្រកាសឱ្យប្រើ**

ច្បាប់ ស្តីពីការអនុម័តយល់ព្រមលើកិច្ចព្រមព្រៀង ស្តីពីការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណីរវាងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដែលរដ្ឋសភាបានអនុម័ត កាលពីថ្ងៃទី២៦ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៤ នាសម័យប្រជុំរដ្ឋសភាលើកទី២ នីតិកាលទី៥ ហើយដែលព្រឹទ្ធសភាបានពិនិត្យចប់សព្វគ្រប់លើទម្រង់ និងគតិច្បាប់នេះទាំងស្រុងកាលពីថ្ងៃទី៧ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០១៤ នាសម័យប្រជុំលើកទី៥ នីតិកាលទី៣ ហើយដែលមានសេចក្តីទាំងស្រុងដូចតទៅ ៖

**ច្បាប់  
ស្តីពី**

**ការអនុម័តយល់ព្រមលើកិច្ចព្រមព្រៀងស្តីពី ការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យ  
រដ្ឋប្បវេណីរវាងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដែលបានចុះហត្ថលេខា  
នៅរដ្ឋធានីហាណូយ សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម នាថ្ងៃទី ២១ ខែ មករា ឆ្នាំ ២០១៣ ហើយ  
និងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមភីឡេភីណាម**

**មាត្រា ១.-**

អនុម័តយល់ព្រមលើកិច្ចព្រមព្រៀងស្តីពី ការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យ  
រដ្ឋប្បវេណីរវាងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម ដែលបានចុះហត្ថលេខា  
នៅរដ្ឋធានីហាណូយ សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម នាថ្ងៃទី ២១ ខែ មករា ឆ្នាំ ២០១៣ ហើយ  
ដែលមានអត្ថបទទាំងស្រុងភ្ជាប់មកជាមួយនេះ។

**មាត្រា ២.-**

រាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ត្រូវបន្តរាល់នីតិវិធី ដើម្បីអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

**មាត្រា ៣.-**

ច្បាប់នេះ ត្រូវបានប្រកាសជាការប្រញាប់។

ធ្វើនៅព្រះបរមរាជវាំង ថ្ងៃទី ១៧ ខែ កក្កដា ឆ្នាំ ២០១៤


**ព្រះហស្តលេខា និងព្រះរាជលញ្ឆករ  
នរោត្តម សីហមុនី**

ល.រ. ១៤០៧. ៩០៥

បានយកសេចក្តីក្រាបបង្គំទូលថ្វាយព្រះមហាក្សត្រ  
សូមឡាយព្រះហស្តលេខា  
**នាយករដ្ឋមន្ត្រី  
ហត្ថលេខា**

សម្តេចអគ្គមហាសេនាបតីតេជោ ហ៊ុន សែន

បានយកសេចក្តីគោរពជម្រាបជូន  
សម្តេចអគ្គមហាសេនាបតីតេជោ ហ៊ុន សែន នាយករដ្ឋមន្ត្រី  
**រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងយុត្តិធម៌  
ហត្ថលេខា  
អង្គ វេជ្ជបណ្ឌិត**

សំណេរដែលមានតម្លៃជាការចែកផ្សាយ  
រាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២១ ខែ កក្កដា ឆ្នាំ ២០១៤  
អគ្គនាយកដ្ឋានស្ថាប័នស្ថាប័ន  
  
**ស៊ុន សុខា**

**HIỆP ĐỊNH TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ  
GIỮA  
VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA  
VÀ  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Vương quốc Cam-pu-chia và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi riêng là “Bên”, gọi chung là "các Bên"),

Mong muốn tăng cường hợp tác tương trợ tư pháp giữa các Bên trong lĩnh vực dân sự trên cơ sở tôn trọng chủ quyền, bình đẳng và lợi ích của nhau,

Đã thoả thuận những điều dưới đây:

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**

**Phạm vi tương trợ tư pháp**

1. Theo quy định của Hiệp định này, các Bên thực hiện tương trợ tư pháp cho nhau về các vấn đề dân sự sau đây:

- i) Tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp;
- ii) Thu thập, cung cấp chứng cứ;
- iii) Triệu tập người làm chứng, người giám định;
- iv) Công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Toà án, quyết định của Trọng tài được quy định tại Chương V của Hiệp định này;
- v) Trao đổi thông tin, tài liệu pháp luật về tương trợ tư pháp, chuyển giao giấy tờ hộ tịch;
- vi) Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác.

2. Trừ khi có quy định khác, thuật ngữ “dân sự” trong Hiệp định này bao gồm các vấn đề dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại và lao động.

3. Trừ khi có quy định khác, thuật ngữ “cơ quan có thẩm quyền” trong Hiệp định này được hiểu là toà án và các cơ quan khác có thẩm quyền giải quyết các vấn đề dân sự theo quy định pháp luật của mỗi Bên.

## **Điều 2** **Bảo hộ pháp lý**

1. Công dân của mỗi Bên được hưởng trên lãnh thổ của Bên kia sự bảo hộ pháp lý đối với các quyền nhân thân và tài sản như công dân của Bên kia, có quyền tiếp cận và thực hiện các quyền tố tụng tại Toà án và các cơ quan khác có thẩm quyền về các vấn đề dân sự của Bên kia theo cùng các điều kiện mà Bên kia dành cho công dân của mình.

2. Những quy định tại khoản 1 Điều này cũng được áp dụng đối với pháp nhân và các tổ chức khác được thành lập trên lãnh thổ của mỗi Bên theo quy định pháp luật của Bên đó.

3. Mỗi Bên sẽ không được trì hoãn tiến hành các thủ tục có liên quan tới công dân của Bên kia mà không có lý do chính đáng.

## **Điều 3** **Miễn, giảm án phí và trợ giúp pháp lý**

1. Công dân của mỗi Bên có quyền được miễn, giảm án phí và được trợ giúp pháp lý miễn phí trên lãnh thổ của Bên kia theo cùng những điều kiện và mức độ như công dân của Bên kia.

2. Nếu việc miễn, giảm án phí hoặc trợ giúp pháp lý miễn phí được quyết định căn cứ vào mức thu nhập hoặc/và tình trạng tài sản của người làm đơn, thì giấy xác nhận mức thu nhập hoặc/và tình trạng tài sản của người làm đơn sẽ do cơ quan có thẩm quyền của Bên nơi người làm đơn thường trú hoặc tạm trú cấp.

3. Công dân của một Bên có thể xin miễn, giảm án phí hoặc trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định tại khoản 1 Điều này tới cơ quan có thẩm quyền của Bên nơi người làm đơn thường trú hoặc tạm trú. Cơ quan có thẩm quyền đó sẽ chuyển đơn kèm giấy xác nhận mức thu nhập hoặc/và tình trạng tài sản theo quy định tại khoản 2 của Điều này tới cơ quan có thẩm quyền của Bên kia thông qua các Cơ quan Trung ương.

4. Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm án phí và trợ giúp pháp lý miễn phí có thể yêu cầu người nộp đơn bổ sung thêm thông tin.

#### **Điều 4**

### **Miễn tạm ứng các chi phí Tòa án**

Công dân, pháp nhân và các tổ chức khác của mỗi Bên được miễn tạm ứng các chi phí Tòa án theo quy định của pháp luật của Bên nơi Tòa án xét xử.

Thuật ngữ “chi phí Tòa án” theo quy định tại Điều này bao gồm án phí và các chi phí khác phải nộp cho Nhà nước theo quy định pháp luật của Bên nơi tòa án xét xử.

#### **Điều 5**

### **Các kênh liên lạc**

1. Các Bên liên lạc trực tiếp với nhau, kể cả gửi các yêu cầu tương trợ tư pháp theo Hiệp định này thông qua các Cơ quan Trung ương.

2. Cơ quan Trung ương của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Tư pháp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cơ quan Trung ương của Vương quốc Cam-pu-chia là Bộ Tư pháp Vương quốc Cam-pu-chia.

3. Mỗi Bên kịp thời thông báo cho Bên kia mọi thay đổi liên quan đến Cơ quan Trung ương của mình qua đường ngoại giao.

4. Hiệp định này không hạn chế việc các Bên gửi yêu cầu tương trợ tư pháp qua đường ngoại giao.

#### **Điều 6**

### **Ngôn ngữ**

1. Ngôn ngữ liên hệ giữa các Cơ quan Trung ương của các Bên là tiếng Anh.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp và các tài liệu kèm theo được lập trên cơ sở Hiệp định này phải gửi kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu hoặc ra tiếng Anh.

3. Văn bản trả lời yêu cầu tương trợ tư pháp và các tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Bên được yêu cầu.

## **Điều 7**

### **Chi phí tương trợ tư pháp**

Các Bên thực hiện việc tương trợ tư pháp miễn phí cho nhau, trừ những trường hợp sau đây:

1. Chi phí liên quan đến người làm chứng hoặc người giám định theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Hiệp định này.

2. Các chi phí trả cho người giám định liên quan đến thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Hiệp định này nếu người giám định không phải là công chức nhà nước. Trong trường hợp này, các Bên sẽ trao đổi để quyết định mức chi phí.

3. Các chi phí liên quan đến yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án, quyết định của Trọng tài.

4. Trong trường hợp việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đòi hỏi khoản chi phí bất thường khi Bên yêu cầu đưa ra yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp theo thủ tục đặc biệt, các Bên sẽ trao đổi để quyết định điều kiện cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó.

## **Điều 8**

### **Yêu cầu tương trợ tư pháp**

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp được lập thành văn bản và bao gồm những nội dung sau:

i) Ngày, tháng, năm và địa điểm lập văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp;

ii) Tên, địa chỉ và các thông tin liên hệ khác của cơ quan yêu cầu tương trợ tư pháp, bao gồm số điện thoại, số fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

iii) Tên, địa chỉ và các thông tin liên hệ khác của cơ quan thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp;

iv) Họ và tên, giới tính, quốc tịch, nghề nghiệp, nơi sinh và địa chỉ của những người có liên quan; hoặc họ và tên và địa chỉ của người đại diện của họ (nếu có); tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức có liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp;

v) Mô tả vụ việc, nội dung yêu cầu và các thông tin cần thiết khác liên quan đến yêu cầu tương trợ tư pháp.

vi) Cam đoan chi trả chi phí phát sinh trong các trường hợp quy định tại Điều 7 của Hiệp định này.

2. Trong trường hợp Bên được yêu cầu xét thấy thông tin nêu trong yêu cầu tương trợ tư pháp chưa đầy đủ để giải quyết thì Bên được yêu cầu đề nghị bổ sung thông tin.

3. Yêu cầu tương trợ tư pháp và các tài liệu kèm theo phù hợp với yêu cầu về ngôn ngữ được quy định tại Khoản 2 Điều 6 phải lập thành ba (03) bộ, do cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu ký, đóng dấu và gửi cho Bên được yêu cầu.

### **Điều 9**

#### **Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp**

1. Bên được yêu cầu thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp theo pháp luật của nước mình.

2. Bên được yêu cầu có thể thực hiện tương trợ tư pháp theo cách mà Bên yêu cầu đề nghị, nếu việc thực hiện đó không trái với pháp luật của nước mình.

3. Yêu cầu tương trợ tư pháp phải được thực hiện nhanh chóng, kịp thời, trong thời hạn tối đa là một trăm năm mươi (150) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp. Trong trường hợp có sự chậm trễ với lý do chính đáng, Bên được yêu cầu phải ngay lập tức thông báo cho Bên yêu cầu.

### **Điều 10**

#### **Từ chối và hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp**

1. Yêu cầu tương trợ tư pháp có thể bị từ chối nếu Bên được yêu cầu xét thấy việc thực hiện yêu cầu đó gây phương hại đến chủ quyền quốc gia, an ninh, trật tự công cộng, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật nước mình hoặc yêu cầu đó không thuộc chức năng của các cơ quan có thẩm quyền của nước mình. Bên được yêu cầu phải thông báo lý do từ chối cho Bên yêu cầu trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp.

2. Việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp có thể bị hoãn trong trường hợp Bên được yêu cầu xét thấy việc thực hiện ngay yêu cầu đó có thể gây cản trở đến hoạt động điều tra hoặc truy tố đang được tiến hành trên lãnh thổ Bên được yêu cầu. Bên được yêu cầu phải thông báo lý do hoãn cho Bên yêu cầu trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp.

## **Điều 11**

### **Miễn hợp pháp hoá lãnh sự**

1. Các giấy tờ, tài liệu công được ban hành hoặc xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền của mỗi Bên và được chuyển qua kênh tương trợ tư pháp theo quy định tại Điều 5 của Hiệp định này được miễn hợp pháp hóa lãnh sự.

2. Mặc dù có quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp có nghi ngờ chính đáng về chữ ký, tư cách của người ký, hoặc về nhận dạng của con dấu hoặc con tem, cơ quan có thẩm quyền của một Bên có thể đề nghị Cơ quan trung ương của Bên kia đã cấp giấy tờ hoặc tài liệu đó xác minh tính xác thực của giấy tờ hoặc tài liệu đó. Yêu cầu xác minh tính xác thực chỉ được thực hiện trong những trường hợp đặc biệt và phải nêu rõ lý do.

## **Điều 12**

### **Thực hiện tương trợ tư pháp theo yêu cầu của nhiều bên**

1. Trong trường hợp Bên được yêu cầu nhận được yêu cầu tương trợ tư pháp của hai hay nhiều bên về cùng một vụ việc, Bên được yêu cầu quyết định yêu cầu tương trợ tư pháp nào sẽ được thực hiện.

2. Khi quyết định yêu cầu tương trợ tư pháp nào sẽ được thực hiện, Bên được yêu cầu phải cân nhắc tất cả các yếu tố liên quan, đặc biệt là:

- i) Ngày nhận được yêu cầu;
- ii) Tính chất của vụ việc được yêu cầu;
- iii) Ảnh hưởng của việc thực hiện một yêu cầu tương trợ tư pháp này đối với việc thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp khác;
- iv) Thời gian cần thiết để thực hiện yêu cầu.

3. Bên được yêu cầu thông báo kịp thời cho Bên yêu cầu về việc có yêu cầu tương trợ tư pháp của nhiều bên liên quan đến cùng vụ việc và về quyết định của mình.



## CHƯƠNG II TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ

### Điều 13

#### **Yêu cầu tổng đạt giấy tờ và thực hiện yêu cầu tổng đạt giấy tờ**

1. Cơ quan có thẩm quyền của một Bên phải, thông qua các kênh liên lạc được quy định tại Điều 5, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Bên kia thực hiện tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp. Yêu cầu tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp phải tuân theo quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

2. Bên được yêu cầu, theo quy định của pháp luật nước mình, sẽ tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp theo yêu cầu.

3. Sau khi tổng đạt giấy tờ, Bên được yêu cầu gửi cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận hoặc các giấy tờ khác về việc đã tổng đạt giấy tờ, hoặc thông báo cho bên yêu cầu về lý do cản trở việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần của yêu cầu tương trợ tư pháp. Bản chụp của văn bản xác nhận hoặc các giấy tờ khác nêu trên có thể được gửi qua fax hoặc thư điện tử trước khi bản chính được gửi qua đường bưu điện, nếu có yêu cầu.

4. Văn bản xác nhận hoặc các giấy tờ khác về việc đã tổng đạt giấy tờ phải ghi rõ tên của người nhận văn bản tổng đạt, ngày, địa điểm và phương thức tổng đạt, chữ ký và dấu của cơ quan tổng đạt.

### Điều 14

#### **Tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước mình**

Cơ quan có thẩm quyền của một Bên có thể tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước mình đang cư trú trên lãnh thổ của Bên kia thông qua cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự của nước mình. Việc tổng đạt phải được thực hiện theo cách phù hợp với pháp luật của Bên kia.

### CHƯƠNG III THU THẬP, CUNG CẤP CHỨNG CỨ

#### Điều 15 Yêu cầu thu thập, cung cấp chứng cứ

Yêu cầu thu thập, cung cấp chứng cứ, ngoài việc tuân theo quy định tại Điều 8 của Hiệp định này, phải bao gồm các nội dung sau:

1. Chứng cứ được yêu cầu cần cung cấp;
2. Các câu hỏi cần được người liên quan trả lời và mô tả vụ việc pháp lý có liên quan;
3. Giấy tờ hoặc vật cần được kiểm tra;
4. Những biện pháp hoặc thủ tục đặc biệt cần được thực hiện để thu thập chứng cứ (nếu có).

#### Điều 16 Thực hiện yêu cầu thu thập, cung cấp chứng cứ

1. Theo yêu cầu, các Bên sẽ tương trợ cho nhau trong việc thu thập, cung cấp chứng cứ và thực hiện các hành vi tố tụng cần thiết để tiến hành thu thập, cung cấp chứng cứ.

2. Bên được yêu cầu sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên yêu cầu kết quả thực hiện yêu cầu thu thập, cung cấp chứng cứ kèm theo các chứng cứ và tài liệu có tính chất chứng cứ được yêu cầu; hoặc giải thích cho Bên yêu cầu lý do cản trở việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ yêu cầu thu thập, cung cấp chứng cứ.

#### Điều 17 Thu thập chứng cứ đối với công dân của nước mình

Cơ quan có thẩm quyền của một Bên có thể thu thập chứng cứ đối với công dân của nước mình đang cư trú trên lãnh thổ của Bên kia thông qua cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của nước mình. Việc thu thập chứng cứ phải được thực hiện theo cách phù hợp với pháp luật của Bên kia.

## CHƯƠNG IV TRIỆU TẬP NGƯỜI LÀM CHỨNG, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH

### Điều 18

#### Triệu tập người làm chứng, người giám định

1. Cơ quan có thẩm quyền của một Bên có thể thông qua các kênh liên lạc được quy định tại Điều 5 của Hiệp định này, yêu cầu Bên kia tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định nếu xét thấy cần thiết phải có mặt của người làm chứng, người giám định là công dân của Bên kia trước cơ quan có thẩm quyền của nước mình.
2. Giấy triệu tập phải được gửi cho Bên được yêu cầu chậm nhất là chín mươi (90) ngày, trước ngày người làm chứng, người giám định được triệu tập có mặt tại cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.
3. Giấy triệu tập phải ghi rõ điều kiện làm chứng, giám định và cam kết về việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, điều kiện ăn ở, đi lại cho người làm chứng, người giám định, các chi phí có thể thanh toán, điều kiện và thời hạn thanh toán cho những người đó.
4. Bên được yêu cầu sẽ tổng đạt giấy triệu tập đến người liên quan và thông báo cho Bên yêu cầu ý kiến của người đó.

### Điều 19

#### Bảo hộ người làm chứng, người giám định được triệu tập

1. Người làm chứng, người giám định được triệu tập trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu theo quy định của Hiệp định này sẽ không bị điều tra, truy tố, xét xử, bị bắt giữ hoặc chịu các hình thức hạn chế tự do thân thể khác trên lãnh thổ của Bên yêu cầu vì bất kỳ hành vi phạm tội hoặc bị kết án trước khi rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu. Người làm chứng, người giám định cũng không bị truy tố, bị bắt giữ hoặc bị phạt vì đã cung cấp lời khai làm chứng hoặc bản kết luận chuyên môn đúng sự thực.
2. Sự bảo hộ theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ chấm dứt sau 15 ngày kể từ ngày người làm chứng, người giám định được triệu tập nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu rằng sự có mặt của họ là không cần thiết, mà người làm chứng, người giám định đó không rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, hoặc nếu họ nhập cảnh trở lại sau khi đã rời khỏi lãnh thổ của

Bên yêu cầu. Thời hạn 15 ngày này không bao gồm khoảng thời gian mà người làm chứng, người giám định không thể rời lãnh thổ của Bên yêu cầu vì lý do khách quan.

3. Người làm chứng, người giám định đến lãnh thổ của Bên kia theo Giấy triệu tập quy định tại Điều 18 của Hiệp định này, có quyền được cơ quan triệu tập hoàn lại các khoản chi phí đi lại, ăn ở, cũng như khoản tiền lương không được nhận trong những ngày nghỉ việc. Ngoài ra, người giám định còn được hưởng thù lao giám định. Trong trường hợp người được triệu tập có yêu cầu, Bên yêu cầu sẽ ứng trước một số tiền để thanh toán các khoản chi phí.

4. Người làm chứng hoặc người giám định nhận được Giấy triệu tập có thể từ chối việc thực hiện Giấy triệu tập của Bên yêu cầu. Bên được yêu cầu không được áp dụng các biện pháp cưỡng chế để buộc người làm chứng hoặc người giám định thực hiện Giấy triệu tập.

## **CHƯƠNG V**

### **CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI**

#### **Điều 20**

#### **Công nhận các bản án, quyết định của Tòa án không liên quan đến tài sản**

Bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về hôn nhân và gia đình không liên quan đến tài sản và không có yêu cầu thi hành do Tòa án có thẩm quyền của một Bên tuyên sẽ được công nhận trên lãnh thổ của Bên kia mà không cần thủ tục tố tụng đặc biệt nào khác, trừ các trường hợp sau:

1. Trước khi ra bản án hoặc quyết định đó, Tòa án của Bên kia đã tuyên một bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng vụ việc;

2. Chỉ có Tòa án của Bên kia mới có thẩm quyền xét xử đối với vụ việc đó theo quy định của Hiệp định này hoặc theo quy định của pháp luật của Bên kia trong trường hợp Hiệp định này không quy định.

## **Điều 21**

### **Công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định khác của Tòa án**

Ngoài quy định tại Điều 20, một Bên sẽ công nhận và cho thi hành theo quy định của Hiệp định này trên lãnh thổ của mình các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khác do Tòa án của Bên kia tuyên bao gồm:

1. Bản án, quyết định về dân sự của Tòa án theo quy định của Hiệp định này;
2. Quyết định về phân tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính.

## **Điều 22**

### **Điều kiện công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án**

Các bản án, quyết định của Tòa án được quy định tại Điều 21 của Hiệp định này sẽ được công nhận và cho thi hành nếu đáp ứng các điều kiện sau:

1. Vụ án không thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Bên được yêu cầu theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;
2. Các bên liên quan hoặc người đại diện của họ đã được triệu tập hoặc tuyên bố vắng mặt một cách hợp pháp, theo quy định của pháp luật của Bên yêu cầu;
3. Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và chưa hết thời hiệu thi hành theo quy định pháp luật của Bên yêu cầu;
4. Về cùng vụ án này chưa có bản án, quyết định dân sự có hiệu lực pháp luật của Tòa án Bên được yêu cầu, hoặc của Tòa án nước thứ ba đã được tòa án Bên được yêu cầu công nhận để thi hành; hoặc vào thời điểm công nhận bản án, quyết định đó, Tòa án của Bên được yêu cầu chưa thụ lý hoặc xem xét cùng vụ án này;
5. Việc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án và hậu quả của việc công nhận và cho thi hành đó không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật và trật tự công cộng của Bên được yêu cầu.

## **Điều 23**

### **Yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án**

1. Yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án phải được người có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của họ gửi cho Cơ quan

Trung ương của nước mình để chuyển cho Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu hoặc gửi trực tiếp cho Cơ quan Trung ương của Bên được yêu cầu theo quy định của pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Ngoài những nội dung được quy định tại Điều 8 của Hiệp định này, người yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án phải cung cấp các giấy tờ sau:

i) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án được công chứng, chứng thực hợp lệ;

ii) Trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án không ghi rõ hiệu lực thi hành thì phải có giấy chứng nhận hợp pháp về việc bản án, quyết định đó đang có hiệu lực pháp luật;

iii) Giấy tổng đạt bản án, quyết định hoặc giấy tờ khác có giá trị như giấy tổng đạt;

iv) Trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được ban hành nhưng các bên liên quan vắng mặt thì phải cung cấp bản sao về việc đã triệu tập bên vắng mặt nếu bản án, quyết định đó không nêu rõ việc đã triệu tập hợp lệ bên vắng mặt;

v) Các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật của Bên được yêu cầu.

#### **Điều 24**

##### **Thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án**

1. Thủ tục công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của Tòa án được thực hiện theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu không xem xét về mặt nội dung đối với bản án, quyết định sẽ được công nhận cho thi hành.

3. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu có văn bản gửi thông qua Cơ quan Trung ương của mình, đề nghị hoãn hoặc đình chỉ việc công nhận và thi hành bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu phải hoãn hoặc đình chỉ việc công nhận và thi hành bản án, quyết định đó.

*Chu*

**Điều 25**  
**Hiệu lực của việc công nhận và cho thi hành bản án,  
quyết định của Tòa án**

Bản án, quyết định của Tòa án của một Bên đã được Tòa án của Bên kia công nhận và cho thi hành thì có hiệu lực pháp luật như bản án, quyết định của Tòa án của Bên kia.

**Điều 26**  
**Công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài**

Một Bên sẽ công nhận và cho thi hành các quyết định của Trọng tài được tuyên trên lãnh thổ của Bên kia phù hợp với Công ước về Công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài được lập tại Niu - ước ngày 10 tháng 6 năm 1958 và pháp luật về trọng tài của các Bên.

**Chương VI**  
**YÊU CẦU TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP KHÁC**

**Điều 27**  
**Chuyển giao tài liệu, đồ vật và tiền**

Việc chuyển giao tài liệu, đồ vật và tiền từ lãnh thổ của một Bên sang lãnh thổ của Bên kia theo quy định của Hiệp định này phải phù hợp với quy định pháp luật của Bên chuyển giao về việc chuyển giao tài liệu, đồ vật và tiền ra nước ngoài.

**Điều 28**  
**Trao đổi thông tin, tài liệu pháp luật**

1. Một Bên, theo yêu cầu của Bên kia, sẽ cung cấp cho Bên kia các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tương trợ tư pháp, các văn bản được công khai của các cơ quan có thẩm quyền của nước mình.

2. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu tên cơ quan yêu cầu và mục đích của việc yêu cầu.

**Điều 29**  
**Chuyển giao giấy tờ về hộ tịch**

1. Theo yêu cầu, Bên được yêu cầu sẽ chuyển giao cho Bên yêu cầu bản án, quyết định của Tòa án, trích lục bản án và các giấy tờ cần thiết khác liên quan đến hộ tịch của công dân của một trong hai Bên với mục đích ghi rõ trong yêu cầu của Bên yêu cầu.

2. Việc chuyển giao các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện qua kênh liên lạc quy định tại Điều 5 Hiệp định này.

**Điều 30**  
**Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác**

Hiệp định này không cản trở hay hạn chế việc một Bên thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp khác của Bên kia trong trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép với điều kiện yêu cầu đó không trái với quy định của Hiệp định này.

Tương trợ tư pháp về dân sự không được quy định trong Hiệp định này có thể được thực hiện theo pháp luật về tương trợ tư pháp của Bên được yêu cầu.

**Chương VII**  
**ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

**Điều 31**  
**Quan hệ với các điều ước quốc tế khác**

Hiệp định này không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh từ những điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

**Điều 32**  
**Giải quyết bất đồng**

Bất cứ bất đồng nào phát sinh lên quan đến việc giải thích, áp dụng và thực hiện Hiệp định này sẽ được giải quyết một cách hòa bình thông qua các Cơ quan Trung ương của các Bên.



### **Điều 33** **Trao đổi ý kiến**

1. Các Bên đảm bảo trao đổi ý kiến về quá trình thực hiện Hiệp định này trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác hiện hành giữa các Bên.
2. Việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Hiệp định này sẽ được các Bên tiến hành ba (03) năm một lần.

### **Điều 34** **Phê chuẩn và hiệu lực**

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành của mỗi Bên. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi (30) sau ngày nhận được thông báo sau cùng qua đường ngoại giao khẳng định hai Bên đã hoàn tất thủ tục phê chuẩn.
2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn.
3. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày một trong các Bên nhận được thông báo bằng văn bản của Bên kia gửi qua đường ngoại giao về ý định chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.
4. Hiệp định này được áp dụng đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự được lập liên quan tới các vụ việc được tiến hành trước khi Hiệp định có hiệu lực.
5. Trong trường hợp Hiệp định đã hết hiệu lực, các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự nhận được trước ngày chấm dứt Hiệp định vẫn được giải quyết theo các quy định của Hiệp định.

### **Điều 35** **Sửa đổi, bổ sung**

Hiệp định này có thể được sửa đổi, bổ sung thông qua thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên. Việc sửa đổi, bổ sung Hiệp định này phải tuân thủ theo quy định pháp luật của mỗi Bên.

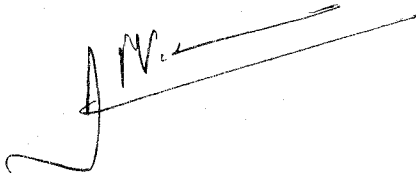
Các sửa đổi, bổ sung là một bộ phận cấu thành Hiệp định này.

**Điều 36**  
**Điều khoản cuối cùng**

Làm tại Hà Nội ngày 21 tháng 01 năm 2013 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Khmer, tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có mâu thuẫn hay sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được sử dụng làm căn cứ.

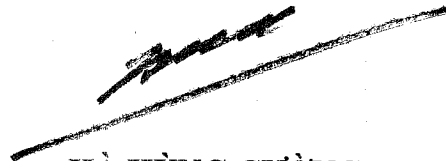
Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

**THAY MẶT**  
**VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA**



**ANG VONG VATHANA**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

**THAY MẶT**  
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**  
**VIỆT NAM**



**HÀ HÙNG CƯỜNG**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

**AGREEMENT**  
**ON MUTUAL JUDICIAL ASSISTANCE IN CIVIL MATTERS**  
**BETWEEN**  
**THE KINGDOM OF CAMBODIA**  
**AND**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

The Kingdom of Cambodia and the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to as "the Party" individually or "the Parties" collectively),

Desiring to strengthen the mutual judicial assistance between the Parties in civil matters on the basis of respect for sovereignty, equality and mutual benefit,

Have agreed as follows:

**CHAPTER I**  
**GENERAL PROVISIONS**

**Article 1**

**Scope of the Mutual Judicial Assistance**

1. The Parties shall afford each other, in accordance with the provisions of this Agreement, mutual judicial assistance in the following civil matters:

- i) Service of judicial and extra-judicial documents;
- ii) Taking and transferring of evidence;
- iii) Summons of witnesses and experts;
- iv) Recognition and enforcement of the court judgments and decisions and arbitral awards as provided for in Chapter V of this Agreement;
- v) Exchange of legal information and documents relating to mutual judicial assistance; transfer of civil status documents;
- vi) Other requests for mutual judicial assistance.

2. Unless otherwise provided, the term "civil" in this Agreement shall include civil, marriage and family, business, commercial and labor matters.

3. Unless otherwise provided, the term "competent authorities" in this Agreement shall mean the courts and other authorities which have competence to handle civil matters in accordance with the law of the concerned Party.

**Article 2**  
**Judicial Protection**

1. Nationals of one Party shall, in the territory of the other Party, enjoy the same judicial protections of personal and property rights as nationals of the other Party, have the right to access and exercise procedural rights before the court and other competent authorities having jurisdiction over civil matters of the other Party under the same conditions accorded to the nationals of the other Party.

2. The provisions of paragraph 1 of this Article shall also apply to legal persons and other organizations established in the territory of either Party in accordance with its national law.

3. One Party shall not delay without due cause any legal proceedings in which nationals of the other Party are involved.

**Article 3**  
**Exemption from or Reduction of Court Fees and Legal Aid**

1. Nationals of one Party shall have the right to enjoy exemption from or reduction of court fees and free legal aid in the territory of the other Party under the same conditions and standards applied to the nationals of that other Party.

2. If the exemption from or reduction of court fees and free legal aid are granted on the basis of the income level and/or property status of the applicant, the certificate on the income level and/or property status of the applicant shall be issued by the competent authority of the Party in whose territory the applicant has his or her domicile or residence.

3. Nationals of one Party may apply for exemption from or reduction of court fees and free legal aid in accordance with paragraph 1 of this Article to the competent authority of the Party in whose territory the applicant has his or her domicile or residence. This competent authority shall transfer the application attached with certificate on the income level and/or property status as provided for in paragraph 2 of this Article to the competent authority of the other Party through the Central Authorities.

4. The competent authority responsible for the decision on the application for exemption from or reduction of court fees and free legal aid may require additional information from the applicant.

**Article 4**  
**Exemption from Advanced Payment for Court Charges**

Nationals, legal persons and other organizations of each Party shall be exempted from any advanced payment for court charges in accordance with national law of the Party where the court sits.

The term "court charges" in this Article includes any court fees and other charges payable to the State in accordance with the law of the Party where the court sits.

**Article 5**  
**Channels of Communication**

1. The Parties shall communicate, including sending judicial assistance requests under this Agreement directly through their respectively designated Central Authorities.

2. The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam is the Ministry of Justice of the Socialist Republic of Viet Nam and the Central Authority for the Kingdom of Cambodia is the Ministry of Justice of the Kingdom of Cambodia.

3. Each Party shall promptly inform the other Party of any change of its Central Authority through diplomatic channels.

4. This Agreement shall not prevent the Parties from sending requests for mutual judicial assistance through diplomatic channels.

**Article 6**  
**Language**

1. Language for communication between Central Authorities of the Parties shall be English.

2. The requests for mutual judicial assistance and any other documents attached therewith which are drawn up under this Agreement shall be accompanied by a duly certified translation into the official language of the Requested Party or into English.

3. The replies to the requests for mutual judicial assistance and any other document attached therewith shall be made in the official language of the Requested Party.

**Article 7**  
**Costs of Mutual Judicial Assistance**

The Parties shall provide each other free of charge mutual judicial assistance, except the following cases:

1. The expenses relating to the witness or expert shall be subject to Article 18 and Article 19 of this Agreement.
2. The expert expenses relating to the execution of request for taking evidences as provided for in Articles 15 and 16 of this Agreement if the expert is not civil servant. In such cases, the Parties shall consult to determine these expenses.
3. The expenses relating to the requests for recognition and enforcement of the court judgments and decisions, arbitral awards.
4. If the execution of a request for mutual judicial assistance requires extraordinary expenses in cases the Requesting Party requests for a special procedural execution, the Parties shall consult to determine the conditions for the execution of that request.

**Article 8**  
**Request for Mutual Judicial Assistance**

1. A request for mutual judicial assistance shall be in writing and shall contain the following information:

- i) Issue date and place of the request;
- ii) Name, address and any other contact information of the requesting authority, including number of telephone, fax and email (if any);
- iii) Name, address and any other contact information of the requested authority;
- iv) Full name, gender, citizenship, occupation, place of birth and address of the related persons, or full name and address of their representatives (if any); name and address of the institutions or organizations relating to the request;
- v) A description of the case, requested matters and other information relating to the request;
- vi) Commitment to pay potential fees and costs as provided for in Article 7 of this Agreement.

2. If the Requested Party finds that the information in the request for mutual judicial assistance is insufficient for the execution thereof, the Requested Party shall ask for further necessary information.

3. The request for mutual judicial assistance and accompanied documents that comply with the language requirements provided for in paragraph 2, Article 6 must be in three (03) copies, signed, sealed and sent by the competent authorities of the Requesting Party to the Requested Party.

### **Article 9**

#### **Execution of Request for Mutual Judicial Assistance**

1. The Requested Party shall execute requests for mutual judicial assistance in accordance with its national law.

2. The Requested Party may execute requests for mutual judicial assistance in a specific manner requested by the Requesting Party if such execution is not contrary to the law of the Requested Party.

3. A request for mutual judicial assistance shall be executed expeditiously within one hundred fifty (150) days from the date of receiving the request. In case of delay with legitimate reasons, the Requested Party shall promptly inform the Requesting Party.

### **Article 10**

#### **Refusal or Postponement of Execution of Request for Mutual Judicial Assistance**

1. If the Requested Party considers that the execution of mutual judicial assistance would prejudice its sovereignty, security, public order, fundamental principles of its law, or the assistance sought does not fall within the functions of its competent authorities, it may refuse the request. The Requested Party shall inform the Requesting Party of the reasons for the refusal within thirty (30) working days from the date of receiving the request.

2. The execution of a request for mutual judicial assistance may be postponed if the Requested Party finds that the immediate execution of the request is likely to impede its ongoing investigation or prosecution in the territory of the Requested Party. The Requested Party shall inform the Requesting Party of the reasons of the postponement within thirty (30) working days from the date of receiving the request.

**Article 11**  
**Exemption from Legalization**

1. Public documents and papers that are issued or certified by the competent authorities of either Party and transferred through mutual judicial assistance channel under provisions of Article 5 of this Agreement shall not be subject to any legalization requirement.

2. Notwithstanding the paragraph 1 of this Article, if there is reasonable suspicion on the signature, status of the signing person, or the identification of the seal or stamp, the competent authority of a Party may request the Central Authority of the other Party issuing these documents or papers to verify the authenticity of these documents or papers. The request for such verification shall only be made in special cases and shall specify the reasons.

**Article 12**  
**Execution of Mutual Judicial Assistance for Multiple Requests**

1. Where the Requested Party receives two or more requests for mutual judicial assistance on the same matter, the Requested Party shall decide which request shall be executed.

2. In order to decide which request shall be executed, the Requested Party shall take into account all relevant circumstances, particularly:

- i) The date on which the request was received;
- ii) The nature of the matter requested;
- iii) The effect of the execution of a request on the execution of other requests;
- iv) The time required for the execution of the request.

3. The Requested Party shall inform promptly the Requesting Party of the existence of multiple requests relating to the same matter and its decision.



## CHAPTER II SERVICE OF DOCUMENTS

### Article 13 Request for Service of Documents and Execution of Request for Service of Documents

1. The competent authorities of a Party shall, through channels of communication as provided for in Article 5 of this Agreement, request the competent authorities of the other Party to serve judicial and extra-judicial documents. The request for service of judicial and extra-judicial documents shall be subject to Article 8 of this Agreement.

2. The Requested Party shall, upon request, serve judicial and extra-judicial documents in accordance with its national law.

3. The Requested Party, after serving the documents, shall send to the Requesting Party a certificate or other documents proving the service of documents or notify the Requesting Party of the reasons that prevent full or partial execution of a request for mutual judicial assistance. A copy of the certificate or the other documents may, upon request, be sent by fax or email before the original is sent by post.

4. The certificate or other documents proving the service of documents shall specify the name of the person receiving documents, the date, place and method of service, the signature and seal of the serving authority.

### Article 14 Service of Documents on Own Nationals

The competent authorities of a Party may serve documents on their own nationals who reside in the territory of the other Party through their diplomatic mission or consular posts located in the other Party. The service of documents must be conducted in the manner compatible with the law of the other Party.

**CHAPTER III**  
**TAKING AND TRANSFERRING OF EVIDENCE**

**Article 15**  
**Request for Taking and Transferring of Evidence**

A request for taking and transferring of evidence, in addition to the requirements of Article 8 of this Agreement, shall also include the following particulars:

1. The requested evidence to be transferred;
2. The questions to be answered by the examined persons and the description of legal cases involved;
3. The documents or objects to be examined;
4. Special measures to be applied or special procedures to be followed in taking of evidence (if any).

**Article 16**  
**Execution of Request for Taking and Transferring of Evidence**

1. Upon request, the Parties shall assist each other in taking and transferring of evidence, and performing necessary procedural acts in order to take and transfer the evidence.

2. The Requested Party shall notify in written form the Requesting Party the results of the execution of the request for taking and transferring of evidence accompanied with the requested evidence and documents to that effect; or notify the Requesting Party of the reasons preventing full or partial execution of the request.

**Article 17**  
**Taking of Evidence from Own Nationals**

The competent authorities of a Party may take evidences from its own nationals who reside in the territory of the other Party by their diplomatic mission or consular posts located in the other Party. The taking of evidence must be conducted in the manner compatible with the law of the other Party.

**CHAPTER IV**  
**SUMMONS OF WITNESSES AND EXPERTS**

**Article 18**  
**Summons of Witnesses and Experts**

1. The competent authorities of a Party may, through channels of communication as provided for in Article 5 of this Agreement, request the other Party to serve summons on a witness and/or an expert if the appearance of a witness and/or an expert, who is national of the other Party, before its competent authorities is necessary.

2. The summons shall be sent to the Requested Party not later than 90 days prior to the date on which the summoned person must appear before the competent authorities of the Requesting Party.

3. The summons shall specify conditions for acting as a witness or an expert and commitment to protect the witness' or expert's life and health, and to provide him or her with travel, meal and accommodation expenses, and the payable expenditures, conditions and time for their payment.

4. The Requested Party shall serve the summons on the person concerned and notify the Requesting Party whether the summoned person has agreed to the request.

**Article 19**  
**Protection of Summoned Witness and Expert**

1. The summoned witness or expert appearing before the competent authorities of the Requesting Party under the provisions of this Agreement, shall not be investigated, prosecuted, tried, detained or subject to any other restriction of his personal liberty in the territory of that Requesting Party in respect of criminal acts or convictions anterior to his or her departure from the territory of the Requested Party. Nor may such person be prosecuted, detained or punished in connection with his or her truthful testimony or expert evidence.

2. The protection under the paragraph 1 of this Article shall terminate after 15 days from the date when the witness or expert is officially informed in writing by the competent authority of the Requesting Party that his or her presence is no longer required, but he or she fails to leave or has returned to the territory of the Requesting Party. Such 15 day period shall not include the time during which the

witness or expert is unable to leave the territory of the Requesting Party for reasons beyond his or her control.

3. The witness or expert who travels to the territory of the Requesting Party according to the summons of the competent authorities under Article 18 of this Agreement shall be reimbursed by summoning competent authorities with respect to expenses for travel, meal and accommodation as well as salary during his or her leave from work. In addition, the expert shall also be paid for his or her expert works. If the summoned person requests for advance money to cover his or her expenses, the Requesting Party shall pay the person an advance sum for the person's expenses.

4. The witness or expert who has received a summons, may refuse to comply with it. The Requested Party shall not take any compulsory measure to force the summoned person to comply with the summons.

## **CHAPTER V**

### **RECOGNITION AND ENFORCEMENT OF THE COURT JUDGMENT AND DECISION AND ARBITRAL AWARD**

#### **Article 20**

##### **Recognition of the Court Non-Property Judgment and Decision**

A legally effective court non-property judgment or decision in a family and marriage matter, which is made by a court of a Party and does not require enforcement, shall be recognized in the territory of the other Party without having to go through any other special judicial proceedings, except the following cases:

1. Prior to making such judgment or decision, the courts of the other Party had made a judgment or decision on the same matter, which had already become effective;

2. The courts of the other Party have exclusive jurisdiction over the same matter under this Agreement or under the national law of the other Party where this Agreement contains no such provision.

## Article 21

### Recognition and Enforcement of Other Court Judgment and Decision

Besides Article 20, a Party shall recognize and enforce in accordance with the provisions of this Agreement in its territory the following legally effective other court judgments and decisions rendered by the courts of the other Party:

1. Court judgments and decisions in civil matters as stipulated in this Agreement;
2. Decisions relating to property in criminal and/or administrative judgments, decisions.

## Article 22

### Conditions for Recognition and Enforcement of the Court Judgment and Decision

The court judgments and decisions stipulated in Article 21 of this Agreement shall be recognized and enforced when all the following conditions are met:

1. The case does not fall into the exclusive jurisdiction of the courts of the Requested Party under the national law of the Requested Party;
2. The litigants or their legal representatives have been duly summoned or declared absent in accordance with the national law of the Requesting Party;
3. The court judgments or decisions have entered into legal effect and the statutes of limitation for execution of such judgments or decisions have not expired under the national law of the Requesting Party;
4. There has not been a legally effective civil court judgment or decision on the same case that has been made by the court of the Requested Party or there is no judgment or decision by the court of a third country, which has been recognized for enforcement by the court of the Requested Party, or at the time of recognition of that judgment or decision, the court of the Requested Party has not registered or heard the same case;
5. The recognition and enforcement of the court judgments or decisions and consequences of the recognition and enforcement of such judgments or decisions shall not contradict the fundamental principles of law and public order of the Requested Party.

## Article 23

### Application for Recognition and Enforcement of the Court Judgment or Decision

1. An application for recognition and enforcement of the court judgment or decision shall be sent by related person or his or her legal representative to the Central Authority of the Requesting Party to transfer to the Central Authority of the Requested Party or directly to the Central Authority of the Requested Party under the law of the Requested Party.

2. In addition to the requirements of Article 8 of this Agreement, the applicant for recognition and enforcement of a court judgment or decision shall provide the following documents:

- i) A lawfully notarized or certified copy of the judgment or decision;
- ii) Lawful documents certifying the legal effects of the judgment or decision in the case the judgment or decision does not clearly specify the legal effects;
- iii) Documents proving the service of court judgments or decisions or other documents to the same service effect;
- iv) A certified copy of documents to certify that the defaulting party has been summoned to the trial where the judgment or decision is rendered by default and the judgment or decision has not clearly shown that the defaulting party was legally summoned;
- v) Other documents as provided for by the national law of the Requested Party.

## Article 24

### Procedures for Recognition and Enforcement of the Court Judgment and Decision

1. Procedures for recognition and enforcement of the court judgments and decisions shall be subject to the national law of the Requested Party.

2. The competent authorities of the Requested Party shall not review the substance and content of the court judgments and decisions to be recognized for enforcement.

3. If the competent authorities of the Requesting Party send through their Central Authority a written request to postpone or terminate the recognition and enforcement of the court judgments and decisions, the competent authorities of the

Requested Party shall postpone or terminate the recognition and enforcement of the judgments and decisions.

**Article 25**  
**Effects of Recognition and Enforcement**  
**of the Court Judgment or Decision**

Court judgments or decisions rendered by the courts of one Party, which have been recognized and enforced by the courts of the other Party shall have the same legal effects as those rendered by the courts of the other Party.

**Article 26**  
**Recognition and Enforcement of the Arbitral Award**

A Party shall recognize and enforce the arbitral awards rendered in the territory of the other Party in accordance with the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards concluded in New York on June 10, 1958 and in accordance with the national law on arbitration of the Parties.

**CHAPTER VI**  
**OTHER REQUESTS FOR MUTUAL JUDICIAL ASSISTANCE**

**Article 27**  
**Transfer of Documents, Objects and Currencies**

Transfer of documents, objects and currencies from the territory of one Party to the territory of the other Party under this Agreement shall be in accordance with the national law of the transferring Party that regulates the transfer of documents, currencies and objects abroad.

**Article 28**  
**Exchange of Legal Information and Documents**

1. A Party, upon the request of the other Party, shall provide the other Party with information on its legal normative documents relating to the mutual judicial

assistance and publicly available documents of the competent authorities of the Requested Party.

2. The request to provide information shall contain the name of requesting authority and purposes of the request.

#### **Article 29**

#### **Transfer of Civil Status Documents**

1. Upon request, the requested Party shall transfer court judgments or decisions or their extracts and other necessary documents which are related to the civil status of the citizens of either Party for the purposes specified in the request to the requesting Party.

2. The transfer of documents mentioned in paragraph 1 of this Article shall be carried out through the channels of communication as provided for in Article 5 of this Agreement.

#### **Article 30**

#### **Other Requests for Mutual Judicial Assistance**

This Agreement shall not prevent or limit a Party to execute other requests for mutual judicial assistance from the other Party if the national law of the Requested Party allows such execution, provided that such requests are not contrary to this Agreement.

Mutual judicial assistance in civil matters which is not provided for in this Agreement may be executed in accordance with the national law on mutual judicial assistance of the Requested Party.

### **CHAPTER VII**

### **MISCELLANEOUS PROVISIONS**

#### **Article 31**

#### **Relations with Other International Treaties**

This Agreement shall not affect the rights and obligations of the Parties arising from any other international treaty to which both Parties are members.



**Article 32**  
**Settlement of Disagreement**

Any disagreement arising from or relating to the interpretation, application or implementation of this Agreement shall be resolved by amicable consultations through the Central Authorities of the Parties.

**Article 33**  
**Consultations**

1. The Parties shall ensure the exchange of views and opinions on the implementation of this Agreement within the framework of existing cooperation mechanisms between the Parties.

2. A review and assessment of the implementation of the Agreement shall be undertaken by the Parties for every three (03) years.

**Article 34**  
**Ratification and Entry into Force**

1. This Agreement shall be ratified in accordance with provisions of the law of each Party. This Agreement shall enter into force on the thirtieth (30<sup>th</sup>) day after the date of receipt of the last notification whereby the Parties notify each other in writing, through diplomatic channels, that the ratification has been completed.

2. This Agreement shall be effective for an indefinite time.

3. This Agreement shall apply to a mutual judicial assistance request in civil matters made for the legal proceedings commenced prior to entry into force of this Agreement.

4. This Agreement shall be terminated by either Party by giving written notice of its intention on termination to the other Party through diplomatic channels. Such termination shall come into effect after six (06) months from the date of receipt of the notice.

5. In case of termination of this Agreement, any mutual judicial assistance requests in civil matters received prior to the termination of this Agreement shall continue to be processed in accordance with the provisions of this Agreement.

**Article 35**  
**Supplement and Amendment**

This Agreement may be supplemented or amended through written consent by the Parties. Any supplement to or amendment of this Agreement shall be subject to procedures stipulated by the law of each Party.

Any supplement or amendment shall become an integral part of this Agreement

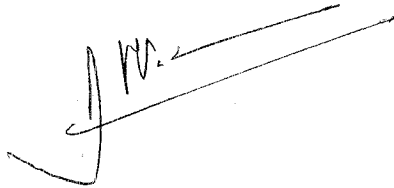
**Article 36**  
**Final Provisions**

Done in the city of Ha Noi on the 21<sup>st</sup> day of January 2013, in duplicate, in the Khmer, Vietnamese and English languages; all texts being equally authentic. In case of any conflict or different interpretation, the English text shall prevail.

In witness whereof the undersigned, being duly authorized, have signed this Agreement.

**For the Kingdom of Cambodia**

**For the Socialist Republic of Viet Nam**



**ANG VONG VATHANA**  
**MINISTRY OF JUSTICE**



**HA HUNG CUONG**  
**MINISTRY OF JUSTICE**

**កិច្ចព្រមព្រៀង**

**ស្តីពី**

**ការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណី**

**រវាង**

**ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**

**និង**

**សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម**

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា និងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម (តទៅនេះហៅថា ភាគី សម្រាប់ភាគីនីមួយៗ ឬ គូភាគី សម្រាប់ភាគីទាំងពីរ ។

ក្នុងគោលបំណងពង្រឹងនូវការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ រវាងប្រទេសទាំងពីរ ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណីដោយឈរលើមូលដ្ឋានគោរពគ្នាទៅវិញទៅមកនូវអធិបតេយ្យភាព សមភាព និងផលប្រយោជន៍ទាំងសងខាង។

បានព្រមព្រៀងគ្នាដូចតទៅ ៖

**ជំពូកទី ១**

**បទប្បញ្ញត្តិទូទៅ**

**មាត្រា ១**

**វិសាលភាពនៃការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**

១. អនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ គូភាគីត្រូវអនុវត្តការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌នៅក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណី ដូចតទៅ៖

- i) សេវាកម្មឯកសារតុលាការ និងឯកសារក្រៅតុលាការ
- ii) ការប្រមូល និងការបញ្ជូនភស្តុតាង

- iii) ការកោះហៅសាក្សី និងអ្នកជំនាញ
- iv) ការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា សេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ និងសេចក្តីសម្រេចរបស់មជ្ឈត្តករ ដូចមានចែងក្នុងជំពូកទី ៥ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ
- v) ការផ្លាស់ប្តូរព័ត៌មាន ឯកសារគតិយុត្តិដែលទាក់ទងទៅនឹងការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ និងការបញ្ជូនឯកសារអត្រានុកូលដ្ឋាន
- vi) សំណើសុំជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ផ្សេងទៀត។

២. លើកលែងតែមានចែងផ្សេងពីនេះវាក្យស័ព្ទ “រដ្ឋប្បវេណី” នៅក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ រួមមាន កិច្ចការរដ្ឋប្បវេណី អាពាហ៍ពិពាហ៍ និងគ្រួសារ ការផ្ទេរដូរ ពាណិជ្ជកម្ម និងការងារ ។

៣. លើកលែងតែមានចែងផ្សេងពីនេះ វាក្យស័ព្ទ “អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ច” នៅក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះរួមមាន តុលាការ និងអាជ្ញាធរផ្សេងទៀតដែលមានសមត្ថកិច្ចដោះស្រាយរឿងរដ្ឋប្បវេណី ដោយអនុលោមតាមច្បាប់របស់ភាគី ។

**មាត្រា ២**  
**ការការពារតាមផ្លូវតុលាការ**

១. ពលរដ្ឋនៃភាគីមួយទទួលបានកិច្ចការពារតាមផ្លូវតុលាការ នៅលើដែនដីនៃភាគីមួយទៀត នូវសិទ្ធិបុគ្គល និងសិទ្ធិលើទ្រព្យសម្បត្តិដូចគ្នានឹងប្រជាពលរដ្ឋនៃភាគីមួយទៀត មានសិទ្ធិធ្វើទំនាក់ទំនង និងអនុវត្តសិទ្ធិតាមនីតិវិធីនៅចំពោះមុខតុលាការ និងអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចផ្សេងទៀតដែលមានសមត្ថកិច្ចក្នុងរឿងរដ្ឋប្បវេណីរបស់ភាគីមួយទៀត ក្រោមលក្ខខណ្ឌដូចគ្នាដូចដែលភាគីមួយទៀតនោះផ្តល់ជូនពលរដ្ឋរបស់ខ្លួនដែរ ។

២. បញ្ញត្តិនៃកថាខណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះ ត្រូវអនុវត្តផងដែរចំពោះនីតិបុគ្គល និងអង្គការផ្សេងៗទៀត ដែលត្រូវបានបង្កើតឡើងលើដែនដីរបស់ភាគីណាមួយ ដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីនោះ។

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

៣. ភាគីមួយមិនត្រូវពន្យារពេលអនុវត្តនីតិវិធីដែលពាក់ព័ន្ធនឹងពលរដ្ឋនៃភាគីមួយទៀត ដោយគ្មានមូលហេតុសមស្របឡើយ ។

**មាត្រា ៣**

**ការលើកលែង ឬ ការបន្ធូរបន្ថយប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និងជំនួយផ្នែកច្បាប់**

១. ពលរដ្ឋនៃភាគីមួយមានសិទ្ធិទទួលបាននូវការលើកលែង ឬបន្ធូរបន្ថយប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និងជំនួយផ្នែកច្បាប់ដោយឥតគិតថ្លៃ នៅលើដែនដីនៃភាគីមួយទៀតនៅក្រោមលក្ខខណ្ឌ និងកម្រិតដូចគ្នាដែលបានអនុវត្តទៅលើពលរដ្ឋនៃភាគីមួយទៀតនោះផងដែរ។

២. ប្រសិនបើការលើកលែង ឬបន្ធូរបន្ថយប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និងជំនួយផ្នែកច្បាប់ដោយឥតគិតថ្លៃ ត្រូវបានសម្រេចដោយផ្អែកទៅលើកម្រិតប្រាក់ចំណូល និង/ឬ ស្ថានភាពទ្រព្យធន ជាអាទិ៍របស់អ្នកដាក់ពាក្យសុំនោះ លិខិតបញ្ជាក់ស្តីពីកម្រិតប្រាក់ចំណូល និង/ឬ ស្ថានភាពទ្រព្យធនជាអាទិ៍របស់ អ្នកដាក់ពាក្យសុំ ត្រូវបានផ្តល់ដោយអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃ ភាគីដែលជាទីកន្លែងនៃលំនៅដ្ឋាន ឬ ទីសំណាក់របស់អ្នកដាក់ពាក្យសុំ។

៣. ពលរដ្ឋនៃភាគីមួយអាចដាក់ពាក្យសុំលើកលែង ឬបន្ធូរបន្ថយប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និង ជំនួយផ្នែកច្បាប់ដោយឥតគិតថ្លៃ ដោយអនុលោមតាមកថាខណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះ ជូន ទៅអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីដែលជាទីកន្លែងនៃលំនៅដ្ឋាន ឬទីសំណាក់របស់អ្នក ដាក់ពាក្យសុំ ។ អាជ្ញាធរ មានសមត្ថកិច្ចនេះ ត្រូវបញ្ជូនពាក្យសុំដោយភ្ជាប់ជាមួយនូវ លិខិតបញ្ជាក់ស្តីពីស្ថានភាពប្រាក់ចំណូល និង/ឬ ស្ថានភាពទ្រព្យធនជាអាទិ៍ដូចដែលមាន ចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី ២ នៃមាត្រានេះ ទៅអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយទៀតតាម រយៈអាជ្ញាធរកណ្តាល ។

៤. អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចសម្រេចលើពាក្យសុំលើកលែង ឬបន្ធូរបន្ថយប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និងជំនួយផ្នែកច្បាប់ដោយឥតគិតថ្លៃ អាចតម្រូវឱ្យអ្នកដាក់ពាក្យសុំផ្តល់ព័ត៌មានបន្ថែម ទៀតបាន ។

**មាត្រា ៤**

**ការលើកលែងពីការបង់ប្រាក់ជាមុនលើការចំណាយផ្នែកតុលាការ**

ពលរដ្ឋ នីតិបុគ្គល និងអង្គការផ្សេងទៀតនៃភាគីនីមួយៗ ត្រូវបានលើកលែងពីការបង់ជាមុនការចំណាយផ្នែកតុលាការ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីដែលតុលាការដោះស្រាយរឿងក្តីស្ថិតនៅ ។

វាក្យស័ព្ទ "ចំណាយផ្នែកតុលាការ" ក្នុងមាត្រានេះរួមមានប្រាក់ប្រដាប់ក្តី និងការចំណាយផ្សេងៗដែលត្រូវបង់ជូនរដ្ឋ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់របស់ភាគីដែលតុលាការស្ថិតនៅ ។

**មាត្រា ៥**

**បណ្តាញទំនាក់ទំនង**

- ១. គូភាគីត្រូវធ្វើទំនាក់ទំនងគ្នាដោយផ្ទាល់តាមរយៈអាជ្ញាធរកណ្តាល រួមទាំងការបញ្ជូនសំណើផ្នែកយុត្តិធម៌ដោយផ្អែកតាមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។
- ២. អាជ្ញាធរកណ្តាលនៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម គឺក្រសួងយុត្តិធម៌នៃសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា គឺក្រសួងយុត្តិធម៌នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា។
- ៣. ភាគីនីមួយៗត្រូវផ្តល់ព័ត៌មានឲ្យគ្នាអោយបានទាន់ពេលវេលា អំពីការផ្លាស់ប្តូរអាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់ខ្លួនតាមរយៈបណ្តាញការទូត។
- ៤. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មិនរារាំងដល់គូភាគីក្នុងការបញ្ជូនសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌តាមរយៈបណ្តាញការទូតឡើយ។

**មាត្រា ៦**

**ភាសា**

១. ភាសាសម្រាប់ប្រាស្រ័យទាក់ទងគ្នារវាងអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃភាគីទាំងពីរ គឺភាសាអង់គ្លេស ។

២. សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ និងឯកសារដទៃទៀតដែលបានភ្ជាប់មក ជាមួយដូចមានចែងក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវភ្ជាប់ជាមួយដោយការបកប្រែដែលមានការ បញ្ជាក់ត្រឹមត្រូវជាភាសាផ្លូវការនៃភាគីទទួលសំណើ ឬជាភាសាអង់គ្លេស។

៣. ឯកសារឆ្លើយតបទៅនឹងសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ និងឯកសារ ដែលភ្ជាប់មកជាមួយផ្សេងទៀត ត្រូវធ្វើជាភាសាផ្លូវការរបស់ភាគីទទួលសំណើ។

**មាត្រា ៧**

**ចំណាយសម្រាប់ការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**

គូភាគីអនុវត្តជំនួយទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ដោយឥតគិតថ្លៃ លើកលែងតែក្នុង ករណីដូចខាងក្រោម៖

១. ការចំណាយដែលទាក់ទងទៅនឹងសាក្សី ឬអ្នកជំនាញអនុលោមតាមមាត្រា ១៨ និងមាត្រា ១៩ ក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

២. ការចំណាយលើអ្នកជំនាញទាក់ទងទៅនឹងការអនុវត្តសំណើសម្រាប់ប្រមូល ភស្តុតាង ដូចមានចែងនៅក្នុងមាត្រា ១៥ និងមាត្រា ១៦ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ប្រសិនបើ អ្នកជំនាញមិនមែនជាអ្នករាជការសាធារណៈ។ នៅក្នុងករណីនេះ គូភាគីនឹងពិគ្រោះ យោបល់គ្នាដើម្បីសម្រេចអំពីការចំណាយទាំងនេះ។

៣. ការចំណាយដែលទាក់ទងទៅនឹងសំណើការទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឱ្យ អនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ និងសេចក្តីសម្រេចរបស់ មជ្ឈត្តករ។

៤. ប្រសិនបើការអនុវត្តសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌តម្រូវឱ្យមានការ ចំណាយលើសពីធម្មតា ដោយសារភាគីធ្វើសំណើស្នើសុំឱ្យអនុវត្តជំនួយជួយគ្នាទៅវិញ ទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌តាមវិធានពិសេសណាមួយនោះ គូភាគីត្រូវពិគ្រោះយោបល់ដើម្បីឯក ភាពគ្នាសម្រេចនូវលក្ខខណ្ឌសម្រាប់អនុវត្តសំណើនោះ។

**មាត្រា ៨**  
**សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**

១. សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ ត្រូវធ្វើជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ និងមានខ្លឹមសារដូចខាងក្រោម៖

- i) កាលបរិច្ឆេទ និងទីកន្លែងធ្វើលិខិតសំណើ
- ii) ឈ្មោះ អាសយដ្ឋាន និងព័ត៌មានផ្សេងៗ សម្រាប់ទំនាក់ទំនងរបស់អាជ្ញាធរធ្វើសំណើ រួមមានលេខទូរស័ព្ទ ទូរសារ និងសារអេឡិចត្រូនិច (ប្រសិនបើមាន)
- iii) ឈ្មោះ អាសយដ្ឋាន និងព័ត៌មានផ្សេងៗ សម្រាប់ទំនាក់ទំនងរបស់អាជ្ញាធរទទួលសំណើ
- iv) គោត្តនាម និងនាម ភេទ សញ្ជាតិ មុខរបរ ទីកន្លែងកំណើត និងអាសយដ្ឋានរបស់បុគ្គលដែលពាក់ព័ន្ធ ឬគោត្តនាម និងនាម និងអាសយដ្ឋានរបស់អ្នកតំណាងរបស់ជននោះ (ប្រសិនបើមាន) ឈ្មោះ និងអាសយដ្ឋានរបស់ស្ថាប័ន ឬអង្គការដែលទាក់ទង នឹងសំណើ
- v) ការពិពណ៌នាអំពីរឿងក្តី ខ្លឹមសារនៃសំណើ និងព័ត៌មានផ្សេងទៀតដែលទាក់ទងទៅ នឹងសំណើ
- vi) ការសន្យាសងប្រាក់ចំណាយដែលបានកើតឡើងដូចក្នុងករណីដែលបានកំណត់នៅក្នុងមាត្រា ៧ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

២. ប្រសិនបើភាគីទទួលសំណើពិនិត្យឃើញថា ព័ត៌មាននៅក្នុងសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌មិនគ្រប់គ្រាន់សម្រាប់ការអនុវត្តសំណើនោះ អាចស្នើសុំទៅភាគីធ្វើសំណើឲ្យបន្ថែមព័ត៌មានចាំបាច់ផ្សេងទៀតបាន។

៣. សំណើសុំជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ និងឯកសារភ្ជាប់មកជាមួយដែលស្របតាមតម្រូវការជាភាសាដូចមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី ២ នៃមាត្រា ៦ ត្រូវធ្វើជា ៣ (បី) ច្បាប់ដោយមានហត្ថលេខា និងត្រារបស់អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីធ្វើសំណើ និងត្រូវបញ្ជូនទៅឲ្យភាគីទទួលសំណើ។





**មាត្រា ៩**  
**ការអនុវត្តសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**

១. ភាគីទទួលសំណើអនុវត្តសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ ដោយអនុលោមតាមច្បាប់ជាតិរបស់ខ្លួន។
២. ភាគីទទួលសំណើអាចអនុវត្តសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ តាមវិធីជាក់លាក់ ដែលបានស្នើដោយភាគីធ្វើសំណើ ប្រសិនបើការអនុវត្តនោះមិនផ្ទុយទៅនឹងច្បាប់ជាតិរបស់ខ្លួនទេ។
៣. សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ ត្រូវអនុវត្តឱ្យបានឆាប់រហ័សទាន់ពេលវេលានៅក្នុងអំឡុងពេល ១៥០ (មួយរយហាសិប) ថ្ងៃ គិតចាប់ពីថ្ងៃទទួលបានសំណើ។ ក្នុងករណីដែលមានយឺតយ៉ាវដោយមានមូលហេតុសមស្របនោះ ភាគីទទួលសំណើត្រូវជូនដំណឹងជាបន្ទាន់ទៅភាគីធ្វើសំណើ។

**មាត្រា ១០**  
**ការបដិសេធ ឬពន្យារពេលអនុវត្ត**  
**សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**

១. សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌អាចត្រូវបានបដិសេធ ប្រសិនបើភាគីទទួលសំណើពិនិត្យឃើញថា ការអនុវត្តសំណើអាចបង្កឱ្យមានការខូចខាតដល់អធិបតេយ្យជាតិ សន្តិសុខ សណ្តាប់ធ្នាប់សាធារណៈ ឬគោលការណ៍គ្រឹះនៃច្បាប់របស់ខ្លួន ឬសំណើនោះមិនស្ថិតក្រោមមុខការនៃអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចរបស់ខ្លួន។ ភាគីទទួលសំណើត្រូវជូនដំណឹងដល់ភាគីធ្វើសំណើ អំពីមូលហេតុនៃការបដិសេធសំណើនោះបានក្នុងរយៈពេល ៣០ (សាមសិប) ថ្ងៃ នៃថ្ងៃធ្វើការ បន្ទាប់ពីថ្ងៃដែលបានទទួលសំណើ។
២. ការអនុវត្តសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌អាចពន្យារពេល ប្រសិនបើភាគីទទួលសំណើពិនិត្យឃើញថា ការអនុវត្តក្លាយជាសំណើនោះ អាចបង្កជាឧបសគ្គដល់ការស៊ើបអង្កេត ឬ ការចោទប្រកាន់ដែលកំពុងប្រតិបត្តិនៅលើដែនដីនៃភាគីទទួលសំណើ។

ភាគីទទួលសំណើត្រូវជូនដំណឹងអំពីមូលហេតុនៃការពន្យារពេលទៅភាគីធ្វើសំណើក្នុង  
រយៈពេល ៣០ (សាមសិប) ថ្ងៃ នៃថ្ងៃធ្វើការបន្ទាប់ពីថ្ងៃដែលបានទទួលសំណើ។

**មាត្រា ១១**  
**ការលើកលែងអំពីនិក្ខានុកូលកម្ម**

១. ឯកសារសាធារណៈ និងលិខិតស្នាមដែលបានផ្តល់ឲ្យ ឬបញ្ជាក់ដោយអាជ្ញាធរមាន  
សមត្ថកិច្ចនៃភាគីណាមួយ ហើយត្រូវបានបញ្ជូនតាមរយៈបណ្តាញជួយគ្នាទៅវិញទៅមក  
ផ្នែកយុត្តិធម៌ដូចមានចែងក្នុងបទប្បញ្ញត្តិមាត្រា ៥ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មិនតម្រូវឲ្យធ្វើនិ  
ក្ខានុកូលកម្មឡើយ។

២. ទោះបីមានបញ្ញត្តិនៃកថាខណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះក៏ដោយ ប្រសិនបើមានមន្ទិល  
សង្ស័យសមហេតុផលទៅលើហត្ថលេខា តួនាទីរបស់បុគ្គលដែលចុះហត្ថលេខា ឬរូបរាង  
នៃក្រា ឬតែមប្រើប្រៃសណីយ៍នោះ អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ អាចស្នើសុំទៅ  
អាជ្ញាធរកណ្តាលនៃភាគីដែលផ្តល់ឯកសារសាធារណៈ ឬលិខិតស្នាម ឲ្យបញ្ជាក់អំពី  
យថាភូតភាពនៃឯកសារ ឬ លិខិតស្នាមទាំងនេះ។ សំណើឱ្យបញ្ជាក់អំពីយថាភូតភាពនៃ  
ឯកសារទាំងនេះ អាចធ្វើឡើងតែ ក្នុងករណីពិសេស និងត្រូវបញ្ជាក់ឲ្យបានច្បាស់អំពីមូល  
ហេតុនោះ។

**មាត្រា ១២**  
**ការអនុវត្តការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌**  
**នៅពេលមានសំណើច្រើន**

១. នៅក្នុងករណីភាគីទទួលសំណើបានទទួលសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌  
ពីភាគីពីរ ឬច្រើនក្នុងរឿងដូចគ្នានោះ ភាគីទទួលសំណើត្រូវសម្រេចថាតើសំណើជួយគ្នា  
ទៅវិញទៅមកមួយណាដែលនឹងត្រូវយកមកអនុវត្ត។

២. នៅពេលសម្រេចថាតើសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ណាមួយ ដែល  
នឹងត្រូវយកមកអនុវត្ត ភាគីទទួលសំណើត្រូវថ្លឹងថ្លែង និងពិនិត្យទៅលើបណ្តាកត្តាដែល  
ពាក់ព័ន្ធមាន៖

- i) កាលបរិច្ឆេទទទួលសំណើ
- ii) ចរិតនៃកិច្ចដែលបានស្នើសុំ
- iii) ឥទ្ធិពលនៃកិច្ចអនុវត្តសំណើមួយ ចំពោះសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ផ្សេងទៀត
- iv) ពេលវេលាចាំបាច់សម្រាប់ការអនុវត្តសំណើ។

៣. ភាគីទទួលសំណើត្រូវជូនដំណឹងទៅភាគីធ្វើសំណើឲ្យបានទាន់ពេលវេលា អំពីការណ៍ដែលបានទទួលសំណើច្រើនដែលទាក់ទងនឹងរឿងតែមួយ និងសេចក្តីសម្រេចរបស់ខ្លួន។

**ជំពូកទី ២**  
**សេវាកម្មឯកសារ**

**មាត្រា ១៣**

**សំណើសុំសេវាកម្មឯកសារ និងការអនុវត្តសំណើសេវាកម្មឯកសារ**

១. អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ ត្រូវស្នើសុំទៅអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយទៀតឲ្យផ្តល់សេវាកម្មឯកសារតុលាការ និងឯកសារក្រៅតុលាការ តាមរយៈបណ្តាញទំនាក់ទំនងដូចមានចែងក្នុងមាត្រា ៥ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។ ការស្នើសុំផ្តល់សេវាកម្មឯកសារតុលាការ និងឯកសារក្រៅតុលាការនេះ ត្រូវអនុលោមតាមមាត្រា ៨ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

២. ភាគីទទួលសំណើដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់ជាតិរបស់ខ្លួន នឹងធ្វើសេវាកម្មឯកសារតុលាការ និងឯកសារក្រៅតុលាការតាមសំណើ។

៣. បន្ទាប់ពីផ្តល់សេវាកម្មឯកសារ ភាគីទទួលសំណើត្រូវបញ្ជូនទៅឱ្យភាគីធ្វើសំណើនូវលិខិតបញ្ជាក់ ឬឯកសារផ្សេងទៀតដែលបញ្ជាក់អំពីកិច្ចដែលបានធ្វើសេវាកម្មឯកសារឬជូនដំណឹង ទៅឱ្យភាគីធ្វើសំណើអំពីមូលហេតុដែលរារាំងដល់ការអនុវត្តផ្នែកណាមួយ ឬទាំងស្រុងនៃសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌។ លិខិតចម្លងនៃលិខិតបញ្ជាក់

ឬឯកសារផ្សេងទៀតដែលត្រូវបញ្ជូនដោយទូរសារ ឬសារអេឡិចត្រូនិច មុនពេលបញ្ជូនឯកសារច្បាប់ដើមតាមរយៈប្រៃសណីយ៍ ប្រសិនបើមានសំណើ។

៤. លិខិតបញ្ជាក់ ឬឯកសារដែលបានបញ្ជាក់អំពីកិច្ចដែលបានធ្វើសេវាកម្មឯកសារ ត្រូវសរសេរឲ្យច្បាស់អំពីឈ្មោះបុគ្គលដែលទទួលឯកសារ កាលបរិច្ឆេទ ទីកន្លែង និងវិធីសាស្ត្រនៃសេវាកម្មហត្ថលេខា និងត្រានៃអាជ្ញាធរអនុវត្តសេវាកម្ម។

**មាត្រា ១៤**

**សេវាកម្មឯកសារឱ្យពលរដ្ឋរបស់ខ្លួន**

អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ អាចធ្វើសេវាកម្មឯកសារឲ្យពលរដ្ឋរបស់ខ្លួនដែលរស់នៅលើដែនដីនៃភាគីម្ខាងទៀត តាមរយៈស្ថានបេសកកម្មការទូត ឬស្ថានកុងស៊ុលដែលស្ថិតនៅលើដែនដីនៃភាគីម្ខាងទៀត។ សេវាកម្មឯកសារនេះ ត្រូវធ្វើឡើងដោយអនុលោមទៅតាមច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីម្ខាងទៀត ។

**ជំពូកទី ៣**

**ការប្រមូល និងការបញ្ជូនភស្តុតាង**

**មាត្រា ១៥**

**សំណើប្រមូល និងបញ្ជូនភស្តុតាង**

ក្រៅពីខ្លឹមសារដែលអនុលោមតាមមាត្រា ៨ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ សំណើសុំប្រមូល និងបញ្ជូនភស្តុតាងត្រូវបន្ថែមនូវខ្លឹមសារដូចខាងក្រោម ៖

- ១. ភស្តុតាងដែលស្នើឲ្យបញ្ជូន
- ២. សំណួរដែលតម្រូវឲ្យអ្នកពាក់ព័ន្ធផ្តល់ចម្លើយ និងអធិប្បាយអំពីកិច្ចការផ្នែកច្បាប់ពាក់ព័ន្ធ
- ៣. ឯកសារ ឬវត្ថុដែលត្រូវពិនិត្យ

៤. វិធានការ ឬនីតិវិធីពិសេសដែលត្រូវអនុវត្តដើម្បីប្រមូលភស្តុតាង (ប្រសិនបើ មាន) ។

**មាត្រា ១៦**

**ការអនុវត្តសំណើដើម្បីប្រមូល និងបញ្ជូនភស្តុតាង**

១. តាមសំណើ គូភាគីនឹងជួយគ្នាទៅវិញទៅមកក្នុងការប្រមូល បញ្ជូនភស្តុតាង និង អនុវត្តសកម្មភាពនីតិវិធីចាំបាច់ដើម្បីធ្វើការប្រមូល និងការបញ្ជូនភស្តុតាង ។

២. ភាគីទទួលសំណើនឹងជូនដំណឹង ឬព័ត៌មានតាមទម្រង់ជាលាយលក្ខណ៍អក្សរឲ្យ ភាគីធ្វើសំណើនូវលទ្ធផលនៃការអនុវត្តសំណើប្រមូល និងបញ្ជូនភស្តុតាង ដោយភ្ជាប់ ជាមួយភស្តុតាង និងឯកសារដែលមានចរិតជាភស្តុតាងដែលបានស្នើសុំ ឬជូនដំណឹងឲ្យ ភាគីធ្វើសំណើអំពីមូលហេតុរារាំងដល់ការអនុវត្តផ្នែកណាមួយ ឬទាំងស្រុងនៃសំណើ ប្រមូល និងបញ្ជូនភស្តុតាង ។

**មាត្រា ១៧**

**ការប្រមូលភស្តុតាងពីពលរដ្ឋរបស់ខ្លួន**

អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ អាចប្រមូលភស្តុតាងពីពលរដ្ឋរបស់ខ្លួនដែល រស់នៅដែនដីនៃភាគីមួយទៀត តាមរយៈស្ថានបេសកកម្មការទូត ឬស្ថានកុងស៊ុលរបស់ ខ្លួនដែលស្ថិត លើដែនដីនៃភាគីមួយទៀត។ ការប្រមូលភស្តុតាងនេះ ត្រូវធ្វើឡើងតាមវិធី ដែលស្របតាមច្បាប់របស់ភាគីមួយទៀតនោះ។

**ជំពូកទី ៤**

**ការកោះហៅសាក្សី និងអ្នកជំនាញ**

**មាត្រា ១៨**

**ការកោះហៅសាក្សី និងអ្នកជំនាញ**

១. អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ អាចតាមរយៈបណ្តាញទំនាក់ទំនងដូចមានចែង ក្នុងមាត្រា ៥ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ស្នើសុំភាគីមួយទៀតបញ្ជូនដីកាកោះហៅសាក្សី ឬអ្នក

ជំនាញ ប្រសិនបើយល់ឃើញថាចាំបាច់ តម្រូវឲ្យមានវត្តមានរបស់សាក្សី ឬអ្នកជំនាញ ដែលជាពលរដ្ឋនៃភាគីមួយទៀតនោះ នៅចំពោះមុខអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃប្រទេស ខ្លួន ។

២. ដីកាកោះហៅ ត្រូវបញ្ជូនទៅភាគីទទួលសំណើយូរបំផុតត្រឹម ៩០ (កៅសិប) ថ្ងៃ មុន កាលបរិច្ឆេទដែលសាក្សី ឬអ្នកជំនាញនោះ ត្រូវបង្ហាញខ្លួននៅចំពោះមុខអាជ្ញាធរមាន សមត្ថកិច្ចរបស់ភាគីធ្វើសំណើ។

៣. ដីកាកោះហៅត្រូវសរសេរឲ្យច្បាស់អំពីលក្ខខណ្ឌធ្វើជាសាក្សី ឬអ្នកជំនាញ និងការ សន្យាធានាសុវត្ថិភាពអាយុជីវិត និងសុខភាពលក្ខខណ្ឌនៃការហូបចុក និងចំណាយ ផ្សេងៗ ដែលអាចទូទាត់បាន និងលក្ខខណ្ឌពេលវេលាសម្រាប់ទូទាត់ចំណាយសម្រាប់ ជននោះ ។

៤. ភាគីទទួលសំណើនឹងបញ្ជូនដីកាកោះហៅដល់បុគ្គលពាក់ព័ន្ធ និងជូនដំណឹងទៅ ភាគីធ្វើសំណើអំពីយោបល់យល់ព្រម ឬមិនយល់ព្រមរបស់ជននោះ។

**មាត្រា ១៩**  
**ការការពារសាក្សី និងអ្នកជំនាញដែលបានកោះហៅ**

១. សាក្សី ឬអ្នកជំនាញដែលត្រូវបានកោះហៅ បានបង្ហាញខ្លួននៅចំពោះមុខអាជ្ញា ធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីធ្វើសំណើ តាមបទប្បញ្ញត្តិនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មិនត្រូវទទួលរង នូវការស៊ើបអង្កេតចោទប្រកាន់ ជំនុំជម្រះ ឃុំខ្លួន ឬទទួលរងនូវការរារាំងលើសេរី ភាពបុគ្គលផ្សេងទៀត នៅលើដែនដីនៃភាគីធ្វើសំណើ ដោយសារគ្រប់សកម្មភាពដែលជា បទល្មើស ឬត្រូវបានវិនិច្ឆ័យទោសមុនពេលចាកចេញពីដែនដីនៃភាគីទទួលសំណើ។ សាក្សី ឬអ្នកជំនាញមិនត្រូវចោទប្រកាន់ ឃាត់ ឃុំខ្លួន ឬផ្ដន្ទាទោសដោយហេតុថាបាន ផ្តល់នូវចម្លើយ ឬផ្តល់សេចក្ដីសន្និដ្ឋានជំនាញត្រឹមត្រូវតាមការពិត ។

២. ការការពារក្នុងកថាខណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះ ត្រូវបញ្ចប់នៅក្រោយអំឡុងពេល ១៥ (ដប់ប្រាំ) ថ្ងៃ ក្រោយពីថ្ងៃដែលសាក្សី ឬអ្នកជំនាញត្រូវបានផ្តល់ដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍ អក្សររបស់អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចរបស់ភាគីធ្វើសំណើ ថាវត្តមានរបស់គាត់លែងចាំបាច់

ទៀតហើយ ប៉ុន្តែសាក្សី ឬអ្នកជំនាញមិនបានចាកចេញ ឬប្រសិនបើបានត្រឡប់មកវិញ ក្រោយពីពេលដែលគាត់បានចាកចេញពីដែនដីនៃភាគីធ្វើសំណើ។ រយៈពេល ១៥ (ដប់ ប្រាំ) ថ្ងៃនេះ មិនត្រូវគិតបញ្ចូលរយៈពេលដែលសាក្សី ឬអ្នកជំនាញគ្មានលទ្ធភាពចាក ចេញពីដែនដីរបស់ភាគីធ្វើសំណើដោយមូលហេតុស្របច្បាប់ឡើយ ។

៣. សាក្សី ឬអ្នកជំនាញដែលធ្វើដំណើរទៅដែនដីនៃភាគីធ្វើសំណើ ដោយការកោះហៅ របស់អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចដូចមានចែងក្នុងមាត្រា ១៨ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវទទួល បានពីអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចដែលបានកោះហៅ នូវការសងរាល់ចំណាយក្នុងការធ្វើ ដំណើរហូបចុក ស្នាក់នៅ ព្រមទាំងប្រាក់បៀវត្សដែលមិនបានទទួលក្នុងអំឡុងពេលដែល មិនបានធ្វើការងារ។ បន្ថែមពីនេះ អ្នកជំនាញក៏ត្រូវបានទទួលកម្រៃពីធ្វើកោសលវិថីយផង ដែរ។ ប្រសិនបើបុគ្គលដែលត្រូវបានកោះហៅស្នើសុំជាមុននូវប្រាក់សម្រាប់ចំណាយ របស់ខ្លួន ភាគីធ្វើសំណើត្រូវផ្តល់ប្រាក់មួយចំនួនសម្រាប់ការចំណាយផ្សេងៗ។

៤. សាក្សី ឬអ្នកជំនាញដែលបានទទួលដីកាកោះហៅ អាចបដិសេធការកោះហៅរបស់ ភាគីធ្វើសំណើបាន។ ភាគីទទួលសំណើមិនអាចប្រើប្រាស់វិធានការបង្ខំណាមួយ ដើម្បី បង្ខំបុគ្គលដែលបានកោះហៅឲ្យអនុវត្តតាមដីកាកោះហៅនោះឡើយ។

**ជំពូកទី ៥**

**ការទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឱ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា សេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ និងសេចក្តីសម្រេចរបស់មជ្ឈត្តករ**

**មាត្រា ២០**

**ការទទួលស្គាល់ សាលក្រម សាលដីកា សេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ដែលមិនទាក់ទងនឹងទ្រព្យសម្បត្តិ**

សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចដែលមានអានុភាពតាមផ្លូវច្បាប់ ដែល ប្រកាសដោយតុលាការដែលមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីមួយ ចំពោះរឿងអាពាហ៍ពិពាហ៍ និង គ្រួសារដែលមិនទាក់ទងនឹងទ្រព្យសម្បត្តិ ហើយមិនតម្រូវឲ្យមានការអនុវត្តដោយបង្ខំ និង ត្រូវបានទទួលស្គាល់ លើដែនដីនៃភាគីមួយទៀតដោយមិនតម្រូវឲ្យឆ្លងកាត់នីតិវិធី ពិសេសផ្សេងទៀត លើកលែងករណីដូចខាងក្រោម ៖

១. មុនពេលដែលចេញសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចនោះ តុលាការនៃភាគីមួយទៀត បានប្រកាសសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចដែលចូលជាស្ថាពរលើរឿងដូចគ្នានោះ ។

២. តុលាការនៃភាគីមួយទៀតមានសមត្ថកិច្ចផ្តាច់មុខលើរឿងនោះ តាមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ឬតាមច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីមួយទៀត ក្នុងករណីដែលកិច្ចព្រមព្រៀងនេះមិនបានបញ្ញត្តិ។

**មាត្រា ២១**

**ការទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឱ្យអនុវត្ត  
សាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេចដទៃទៀតរបស់តុលាការ**

ក្រៅពីបញ្ញត្តិមាត្រា ២០ ភាគីមួយនឹងទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឱ្យអនុវត្តអនុលោមតាមបញ្ញត្តិនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះនៅលើដែនដីរបស់ខ្លួននូវសាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេច ដែលចូលជាស្ថាពរផ្សេងទៀត ហើយដែលត្រូវបានប្រកាសដោយតុលាការនៃភាគីមួយទៀត ។

១. សាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការក្នុងរឿងរដ្ឋប្បវេណីដូចមានចែងក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

២. សេចក្តីសម្រេចអំពីទ្រព្យសម្បត្តិនៅក្នុងសាលក្រម សាលដីកា សេចក្តីសម្រេចព្រហ្មទណ្ឌ និង/ឬ រដ្ឋបាល។

**មាត្រា ២២**

**លក្ខខណ្ឌសម្រាប់ការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឱ្យអនុវត្ត  
សាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ**

សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ដូចមានចែងក្នុងមាត្រា ២១ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ នឹងត្រូវបានទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឱ្យអនុវត្ត លុះត្រាតែបានបំពេញនូវលក្ខខណ្ឌទាំងអស់ដូចខាងក្រោម ៖



១. រឿងក្តីដែលមិនស្ថិតនៅក្រោមសមត្ថកិច្ចផ្តាច់មុខរបស់តុលាការនៃភាគីទទួលសំណើស្របតាមបញ្ញត្តិនៃច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីទទួលសំណើ។

២. ភាគី ឬអ្នកតំណាងស្របច្បាប់របស់ខ្លួន ត្រូវបានកោះហៅ ឬត្រូវបានប្រកាសអំពីអវត្តមានដោយស្របច្បាប់ស្របតាមបញ្ញត្តិនៃច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីធ្វើសំណើ ។

៣. សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការបានចូលជាស្ថាពរ និងមិនទាន់ផុតអាជ្ញាយុកាលនៃការអនុវត្ត ស្របតាមបញ្ញត្តិនៃច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីធ្វើសំណើ ។

៤. នៅក្នុងរឿងក្តីតែមួយនោះ គ្មានសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរដ្ឋប្បវេណីដែលចូលជាស្ថាពររបស់តុលាការនៃភាគីទទួលសំណើ ឬរបស់តុលាការនៃប្រទេសទីបី ដែលត្រូវបានតុលាការនៃប្រទេសទទួលសំណើបានទទួលស្គាល់ឲ្យអនុវត្ត ឬទន្ទឹមនឹងពេលទទួលស្គាល់សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចនោះ តុលាការនៃភាគីទទួលសំណើមិនទាន់បានទទួល ឬពិនិត្យដោះស្រាយរឿងក្តីដូចគ្នានោះនៅឡើយ ។

៥. ការទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ និងផលវិបាកនៃការទទួលស្គាល់ និងអនុវត្តសាលក្រមសាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចនោះ មិនផ្ទុយនឹងគោលការណ៍មូលដ្ឋានច្បាប់ និងសណ្តាប់ធ្នាប់សាធារណៈនៃភាគីទទួលសំណើឡើយ ។

**មាត្រា ២៣**

**សំណើទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្ត  
សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ**

១. សំណើទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ត្រូវបញ្ជូនដោយបុគ្គលពាក់ព័ន្ធ ឬអ្នកតំណាងស្របច្បាប់របស់ខ្លួនទៅអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃភាគីធ្វើសំណើ ដើម្បីបញ្ជូនទៅអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃភាគីទទួលសំណើ ឬបញ្ជូនផ្ទាល់ទៅអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃភាគីទទួលសំណើតាមច្បាប់នៃភាគីទទួលសំណើនោះ។

២. ក្រៅពីខ្លឹមសារដោយអនុលោមតាមមាត្រា ៨ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ បុគ្គលដែលធ្វើសំណើទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចត្រូវផ្តល់នូវឯកសារ ដូចខាងក្រោម៖

- i) លិខិតចម្លងសាលក្រម សាលដីកា ឬលិខិតចម្លងសេចក្តីសម្រេចដែលមានការបញ្ជាក់ ឬបានបញ្ជាក់ត្រឹមត្រូវតាមច្បាប់
- ii) ក្នុងករណីដែលសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេច មិនសរសេរ បញ្ជាក់ច្បាស់លាស់អំពីអានុភាពអនុវត្តតាមច្បាប់ នោះត្រូវមានលិខិតបញ្ជាក់ស្របច្បាប់អំពីការណែនាំដែលសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចដែលចូលជាស្ថាពរ
- iii) ឯកសារបញ្ជូនសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេច ឬឯកសារផ្សេងទៀតដែលមានតម្លៃដូចគ្នានឹងឯកសារបញ្ជូន
- iv) ក្នុងករណីដែលសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេច ត្រូវបានចេញដោយកំបាំងមុខ ហើយសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចនោះ មិនបានបញ្ជាក់ច្បាស់អំពីការណែនាំដែលបានកោះហៅភាគីអវត្តមានដោយស្របច្បាប់នោះ ត្រូវផ្តល់មកនូវសេចក្តីចម្លងដែលមានការបញ្ជាក់អំពីការណែនាំដែលបានកោះហៅភាគីអវត្តមាននោះ
- v) ឯកសារផ្សេងទៀតតាមបញ្ញត្តិនៃច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីទទួលសំណើ។

**មាត្រា ២៤**

**នីតិវិធីនៃការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ**

១. នីតិវិធីនៃការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា និងសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ត្រូវអនុវត្តតាមច្បាប់ជាតិរបស់ភាគីទទួលសំណើ។

២. អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីទទួលសំណើ មិនត្រូវពិនិត្យឡើងវិញអំពីខ្លឹមសារនៃសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចដែលនឹងត្រូវបានទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្ត។

៣. ប្រសិនបើអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីធ្វើសំណើ បានបញ្ជូនសំណើជាលាយលក្ខណ៍អក្សរតាមរយៈអាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់ខ្លួនដើម្បីផ្អាក ឬលុបចោលការទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចរបស់ភាគីទទួលសំណើត្រូវផ្អាក ឬលុបចោលការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចនោះ។

**មាត្រា ២៥**  
**ការទទួលស្គាល់**  
**និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់**  
**តុលាការ**

សាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការនៃភាគីមួយ ដែលត្រូវបានទទួលស្គាល់ និងអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តដោយតុលាការនៃភាគីមួយទៀត ត្រូវមានអនុភាពគតិយុត្តដូច គ្នានឹងសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការនៃភាគីមួយទៀតនោះ ។

**មាត្រា ២៦**  
**ការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសេចក្តីសម្រេចរបស់មជ្ឈត្តករ**

ភាគីមួយនឹងទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសេចក្តីសម្រេចរបស់មជ្ឈត្តករ ដែលចេញនៅលើដែនដីនៃភាគីមួយទៀត អនុលោមតាមអនុសញ្ញាស្តីពីការទទួលស្គាល់ និងការអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តសេចក្តីសម្រេចរបស់មជ្ឈត្តករបរទេស ដែលធ្វើនៅទីក្រុងញូយ៉ក នៅថ្ងៃទី១០ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ ១៩៥៨ និងអនុលោមតាមច្បាប់ជាតិស្តីពីមជ្ឈត្តកម្មរបស់ភាគី ។

**ជំពូកទី ៦**  
**សំណើជំនួយទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ផ្សេងទៀត**

**មាត្រា ២៧**  
**ការបញ្ជូនឯកសារ វត្ថុ និងរូបិយវត្ថុ**

ការបញ្ជូនឯកសារ វត្ថុ ឬរូបិយវត្ថុដើម្បីអនុវត្តតាមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ពីដែនដីនៃភាគីម្ខាងទៅដែនដីនៃភាគីម្ខាងទៀត ត្រូវអនុលោមតាមច្បាប់ជាតិនៃភាគីបញ្ជូនដែលបានចែងអំពីការបញ្ជូនឯកសារ វត្ថុ និងរូបិយវត្ថុពីប្រទេសខ្លួនទៅប្រទេស។

**មាត្រា ២៨**  
**ការផ្លាស់ប្តូរព័ត៌មាន និងឯកសារភតិយុត្ត**

១. ភាគីមួយតាមសំណើរបស់ភាគីមួយទៀត និងផ្តល់ទៅឱ្យភាគីមួយទៀតនោះ នូវបទដ្ឋានគតិយុត្តដែលទាក់ទងទៅនឹងជំនួយទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ និងឯកសារដែលត្រូវបោះផ្សាយជាសាធារណៈរបស់អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីទទួលសំណើ។
២. លិខិតសំណើផ្តល់ព័ត៌មានត្រូវបញ្ជាក់ពីឈ្មោះនៃអាជ្ញាធរធ្វើសំណើ និងគោលបំណងនៃសំណើ ។

**មាត្រា ២៩**  
**ការបញ្ជូនឯកសារអត្រានុកូលដ្ឋាន**

១. តាមសំណើ ភាគីទទួលសំណើនឹងបញ្ជូនទៅឱ្យភាគីធ្វើសំណើនូវសាលក្រម សាលដីកា ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ឬអនុសារៈសាលក្រម និងឯកសារចាំបាច់ដទៃទៀតដែលទាក់ទងនឹងអត្រានុកូលដ្ឋានរបស់ពលរដ្ឋនៃភាគីណាមួយ ស្របតាមគោលបំណងដែលបានបញ្ជាក់ច្បាស់លាស់នៅក្នុងសំណើរបស់ភាគីធ្វើសំណើ។
២. ការបញ្ជូនឯកសារ ដោយអនុលោមតាមកថាខណ្ឌទី ១ នៃមាត្រានេះ ត្រូវធ្វើតាមរយៈបណ្តាញទំនាក់ទំនងដូចដែលមានចែងនៅក្នុងមាត្រា ៥ នៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

**មាត្រា ៣០**

**សំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ផ្សេងទៀត**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះមិនរារាំង ឬដាក់កម្រិតភាគីមួយក្នុងការអនុវត្តនូវសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ផ្សេងទៀតពីភាគីមួយទៀតឡើយ ប្រសិនបើច្បាប់ជាតិនៃភាគីទទួលសំណើអនុញ្ញាតឲ្យអនុវត្តជាមួយនឹងលក្ខខណ្ឌដែលសំណើនោះមិនផ្ទុយទៅនឹងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

ការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណីដែលមិនមានចែងក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ អាចត្រូវបានអនុវត្តដោយអនុលោមតាមច្បាប់ស្តីពីការជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែក យុត្តិធម៌នៃភាគីទទួលសំណើ។

**ជំពូកទី ៧**

**បទប្បញ្ញត្តិផ្សេងៗ**

**មាត្រា ៣១**

**ទំនាក់ទំនងនៃសន្និសីទសញ្ញាអន្តរជាតិផ្សេងទៀត**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ មិនមានឥទ្ធិពលដល់សិទ្ធិ និងកាតព្វកិច្ចរបស់គូភាគីដែលកើតចេញពីសន្និសីទសញ្ញាអន្តរជាតិផ្សេងៗ ដែលគូភាគីជាសមាជិកឡើយ។

**មាត្រា ៣២**

**ការដោះស្រាយវិវាទ**

រាល់ការខ្វែងគំនិតគ្នាដែលកើតចេញពី ឬពាក់ព័ន្ធនឹងការបកស្រាយ ប្រើប្រាស់ ឬអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវដោះស្រាយដោយការពិគ្រោះយោបល់គ្នាដោយសន្តិវិធីតាមរយៈអាជ្ញាធរកណ្តាលនៃគូភាគី។

**មាត្រា ៣៣**  
**ការពិគ្រោះយោបល់**

១. គូភាគីត្រូវធានានូវការផ្លាស់ប្តូរទស្សនៈ និងយោបល់លើដំណើរការនៃការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ នៅក្នុងក្របខ័ណ្ឌនៃយន្តការកិច្ចសហប្រតិបត្តិការដែលមានស្រាប់រវាងគូភាគី។
២. ការពិនិត្យឡើងវិញ និងការវាយតម្លៃលើស្ថានភាពនៃការអនុវត្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ នឹងត្រូវធ្វើដោយគូភាគីរៀងរាល់ ៣ (បី) ឆ្នាំម្តង។

**មាត្រា ៣៤**  
**ការផ្តល់សច្ចាប័ន និងការចូលជាធរមាន**

១. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវផ្តល់សច្ចាប័នដោយអនុលោមទៅតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃច្បាប់របស់ភាគីនីមួយៗ។ កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវចូលជាធរមាននៅថ្ងៃទី ៣០ (សាមសិប) ក្រោយថ្ងៃទទួលបានការជូនដំណឹងចុងក្រោយ ដែលគូភាគីបានជូនដំណឹងឲ្យគ្នាទៅវិញទៅមកជាលាយលក្ខណ៍អក្សរតាមរយៈបណ្តាញការទូត អំពីការផ្តល់សច្ចាប័នត្រូវបានបំពេញចប់សព្វគ្រប់។
២. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះមានអានុភាពដោយគ្មានកំណត់ពេល ។
៣. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវអនុវត្តផងដែរចំពោះសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណីដែលធ្វើទៅតាមនីតិវិធី ដែលបានធ្វើឡើងមុនពេលចូលជាធរមាននៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។
៤. កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ នឹងត្រូវបញ្ចប់អានុភាពក្រោយ ៦ (ប្រាំមួយ) ខែ គិតពីថ្ងៃដែលភាគីមួយក្នុងចំណោមគូភាគី ទទួលបាននូវការជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សររបស់ភាគីមួយទៀតនោះអំពីគោលបំណងបញ្ចប់អានុភាពតាមរយៈបណ្តាញការទូត ។
៥. ក្នុងករណីដែលកិច្ចព្រមព្រៀងនេះបញ្ចប់អានុភាព បណ្តាសំណើជួយគ្នាទៅវិញទៅមកផ្នែកយុត្តិធម៌ក្នុងវិស័យរដ្ឋប្បវេណីដែលបានទទួលមុនការបញ្ចប់អានុភាពនៃកិច្ចព្រម

ព្រៀងនេះ នឹងត្រូវបន្តដោះស្រាយដោយអនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

**មាត្រា ៣៥  
ការកែប្រែ និងការបំពេញបន្ថែម**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចកែប្រែ ឬបំពេញបន្ថែមតាមរយៈការព្រមព្រៀងជាលាយលក្ខណ៍អក្សររបស់គូភាគី ។ រាល់កិច្ចកែប្រែ ឬបំពេញបន្ថែមកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវអនុលោមតាមច្បាប់របស់ភាគីនីមួយៗ។

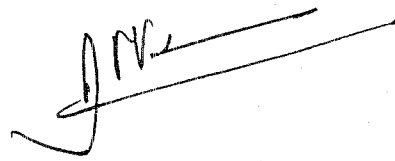
រាល់កិច្ចកែប្រែ ឬបំពេញបន្ថែម គឺជាផ្នែកមួយនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ។

**មាត្រា ៣៦  
អវសានប្បញ្ញត្តិ**

ធ្វើនៅ រដ្ឋធានីហាណូយ ថ្ងៃទី ២១ ខែ មករា ឆ្នាំ២០១៣ ធ្វើឡើងជាពីរច្បាប់ ដែលមួយច្បាប់មានភាសាខ្មែរ ភាសារៀតណាម និងភាសាអង់គ្លេស ដែលអត្ថបទនីមួយៗមានតម្លៃស្មើគ្នា ។ ក្នុងករណីមានការខ្វែងគំនិតក្នុងការបកស្រាយ អត្ថបទភាសាអង់គ្លេសត្រូវយកមកប្រើប្រាស់ជាឯកសារគោល ។

ដើម្បីជាសក្ខីភាពនៅក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ហត្ថលេខីដែលត្រូវបានអនុញ្ញាតក្រឹមត្រូវឲ្យធ្វើជាតំណាងរដ្ឋាភិបាលនីមួយៗ បានចុះហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

**តំណាងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា      តំណាងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមភ្នំពេញ**



**អង្គ វង្ស វិធានា  
រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងយុត្តិធម៌**



**ហា ហុច អឿង  
រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងយុត្តិធម៌**

